

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	290/290; đạt 100% học sinh đủ điều kiện lên lớp 7	238/242 HS chiếm tỉ lệ 98,35% học sinh đủ điều kiện lên lớp 8	237/237 học sinh chiếm tỉ lệ 100% đủ điều kiện lên lớp 9	232/232 học sinh đủ điều kiện xét TN THCS; 217 học sinh dự thi vào lớp 10 THPT
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình đủ 35 tuần theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình nhà trường. - Dạy đủ các môn học theo quy định đáp ứng yêu cầu việc thực hiện CT thay sách - Căn cứ chương trình giáo dục 2012 và biên chế năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động dạy học hợp lý, phù hợp với đặc điểm của trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình đủ 35 tuần theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình nhà trường. - Dạy đủ các môn học theo quy định. - Căn cứ chương trình giáo dục và biên chế năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động dạy học hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình đủ 35 tuần theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình nhà trường. - Dạy đủ các môn học theo quy định. - Căn cứ chương trình giáo dục và biên chế năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động dạy học hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình đủ 35 tuần theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình nhà trường. - Dạy đủ các môn học theo quy định. - Căn cứ chương trình giáo dục và biên chế năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động dạy học hợp lý.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đứng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THCS, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao. 			

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia hoạt động Đội, Đoàn; được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDĐT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm (xanh, sạch, đẹp). - Học sinh được tham gia hoạt động trải nghiệm do trường tổ chức, được tham gia các chuyên đề cấp trường, cấp huyện... 			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	6	7	8	9
<p>Học lực:</p> <p>Giỏi,(Tốt) : 45,2 %</p> <p>Khá: 37,9 %</p> <p>TB (Đạt) : 16,5 %</p> <p>Yếu(CĐ): 0,4%</p>		<p>Hạnh kiểm (Rèn luyện)</p> <p>Tốt: 96,3%</p> <p>Khá: 3%</p> <p>TB (Đạt): 0,7%</p>			
		<ul style="list-style-type: none"> - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi,các hoạt động GD...). - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh. - Đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh. 			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì sĩ số đạt 100% - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 99,6% - Lên lớp sau khi thi lại đạt 100%. - TN THCS đạt 100% - Thi đỗ vào THPT đạt 98% 			

Lý Học, ngày 5 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Hợi

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1001	290	242	237	232
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	964 96,3%	278 95,86%	232 96,27%	227 95,78%	227 97,84%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	30 3%	12 4,14%	5 2,07%	8 3,38%	5 2,16%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,7%	0	5 2,07%	2 0,84%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1000	290	241	237	232
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	452 45,2%	139 47,93%	94 39,0%	111 46,84%	108 46,55%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	379 37,9%	96 33,1%	94 39,0%	89 37,55%	99 42,67%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	165 16,5%	55 18,97%	49 20,33%	37 15,61%	25 10,78%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,4%	0 0%	4 1,66%	0 0%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	997 99,6%	290 100%	237 98,34%	237 100%	232 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	452 45,2%	139 47,93%	94 39,0%	111 46,84%	108 46,55%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	379 37,9%	96 33,1%	94 39,0%	89 37,55%	99 42,67%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,4%	0 0%	4 0,9%	0 0%	0 0%

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	0	1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	183	40	24	50	69
2	Cấp tỉnh/thành phố	14	0	0	5	9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	232	0	0	0	232
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	232	0	0	0	232
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	108 46,55%	0	0	0	108 46,55%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	99 42,67%	0	0	0	99 42,67%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	25 10,78%	0	0	0	25 10,78%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	519/482	155/135	116/126	128/109	120/112
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Lý Học, ngày 5 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Hợi